ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 94 /GPMT-UBND	*Đắk Lắk, ngày 23 tháng 6 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/05/2026 của Chính phủ quy định về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/06/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;

Xét Văn bản số 27-2026/HĐV ngày 28/5/2026 của Công ty TNHH Hoàng Đại Vương và hồ sơ kèm theo

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường (tại Tờ trình số 534/TTr-SNNMT ngày 09/6/2026).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hoàng Đại Vương, địa chỉ tại đường D2, CCN Hố Nai 3, Phường Hố Nai, thành phố Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy sản xuất viên nén gỗ tại Lô 1, lô 2, lô 3, lô 4 thuộc Khu LN-01/8 và Lô 01, Lô 02, Lô 03 thuộc khu LN-02/11, Cụm Công nghiệp M'Drắk, xã M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất viên nén gỗ.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô 1, lô 2, lô 3, lô 4 thuộc Khu LN-01/8 và Lô 01,

Lô 02, Lô 03 thuộc khu LN-02/11, Cụm Công nghiệp M'Drắk, xã M'Drắk, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600697236 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai (nay là sở Tài chính tỉnh Đồng Nai) cấp, đăng ký lần đầu 08/08/2005 và cấp đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 7/8/2024. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 2617/QĐ-UBND do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 16/10/2024.

1.4. Mã số thuế: 3600697236.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất dăm gỗ, viên nén gỗ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Diện tích: 62.733,74 m^2.

- Nhóm dự án đầu tư: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

- Nhóm dự án đầu tư có tiêu chí môi trường: dự án đầu tư Nhóm III theo quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

- Công suất và quy trình công nghệ sản xuất của các dây chuyền sản xuất được xem xét tại Giấy phép môi trường này:

+ Công suất: Sản xuất dăm gỗ: 100.000 tấn thành phẩm/năm; Sản xuất viên nén gỗ trắng: 150.000 tấn thành phẩm/năm; Sản xuất viên nén gỗ đen: 10.000 tấn thành phẩm/năm.

+ Quy trình sản xuất dăm gỗ: Nguyên liệu → Nhập bãi → Bóc vỏ → Băm gỗ → Sàng tách tạp chất → Lưu trữ → Xuất bán.

+ Quy trình sản xuất viên nén gỗ trắng: Nguyên liệu → Nhập bãi → Bóc vỏ → Băm gỗ → Sàng tách tạp chất → Sấy → Nghiền thô → Nghiền tinh → Ép viên → Sàng viên nén → Làm nguội → Lưu trữ → Xuất hàng.

+ Quy trình sản xuất viên nén gỗ đen: Viên nén gỗ trắng → Lò quay cacbon hóa → Làm nguội → Lưu kho, xuất bán.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hoàng Đại Vương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hoàng Đại Vương có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày cấp phép.

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND xã M'Drắk tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- TTCN và Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND xã M'Drắk;
- CTy TNHH Hoàng Đại Vương;
(Đ/c: đường D2, CCN Hố Nai 3, Phường Hố Nai, thành phố Đồng Nai)
- Lưu VT, NNMT (Nhat-2b)

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 94 /GPMT-UBND ngày 23 / 6 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sinh hoạt sau khi qua hệ thống xử lý nước thải với công suất 6 m^3/ngày đêm, nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung sau đó tái sử dụng tuần hoàn bổ sung nước vào bể hấp thụ của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi không xả thải ra môi trường.

- Nước thải sản xuất (Nước xả đáy lò hơi) và nước thải từ hệ thống xử lý bụi được thu gom, xử lý, sau đó tái sử dụng để bổ sung cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi, không thải ra môi trường.

- Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường số 146/2025/QH15.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh được thu gom theo đường ống PVC D114mm dẫn về bể tự hoại 3 ngăn.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ các quá trình còn lại được thu gom bằng đường ống PVC D60mm dẫn về ngăn thứ 3 của bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sinh hoạt (nguồn số 01, nguồn số 02) sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn được thu gom theo đường ống PVC D114mm, D200mm qua các hố ga dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 6 m^3/ngày đêm. Nước thải sau xử lý được tuần hoàn: bổ sung nước vào bể hấp thụ của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi không xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 03: Nước thải từ quá trình xử lý khí thải của lò hơi được tuần hoàn liên tục trong hệ thống và bổ sung định kỳ để bù lượng hao hụt do bay hơi và dính theo cặn bụi, không thải ra ngoài môi trường.

- Nguồn số 04: Nước thải vệ sinh lò hơi (xả đáy lò hơi) được thu gom bổ sung để bù lượng hao hụt do bay hơi và dính theo cặn bụi, không thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt.

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: Bể tự hoại 3 ngăn. Số lượng 4 bể, kích thước (DxRxC): 4,4m x 2,4m x 1,85m.

- Tóm tắt sơ đồ xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải đầu vào: *(nước thải sinh hoạt xử lý sơ bộ qua bể tự hoại)* → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí (Anoxic) → Bể sinh học hiếu khí (Aerotank) → Bể màng lọc MBR → Bể khử trùng kết hợp bể chứa → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT cột B được tái sử dụng (không thải ra môi trường)

+ Quy trình vận hành: hệ thống xử lý được thiết kế tự động, vận hành thường xuyên, liên tục.

- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 6 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine viên: 1 viên/tuần hoặc các chất khác có tính chất tương đương không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt sơ đồ xử lý nước thải sản xuất:

+ Nước thải đầu vào: (nước thải xả đáy lò hơi + nước thải từ bể hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi) → Bể thu gom → Bể lắng → Bể chứa → Tái sử dụng bổ sung nước vào bể hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi do bay hơi.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình đã được hướng dẫn.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng hoạt động của hệ thống để có biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố kịp thời.

- Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Xây dựng bể sự cố có dung tích 8,1 m^3 (kích thước 3m x 1,5m x 1,8m) để lưu chứa nước thải khi có sự cố xảy ra.

- Khi có sự cố xảy ra, tùy theo mức độ chủ đầu tư sẽ tự xử lý hoặc báo cho các cơ quan chức năng về môi trường để cùng phối hợp có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm i khoản 1 Điều 31 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại

khoản 13 điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi tuần hoàn tái sử dụng cho bổ sung nước vào bể hấp thụ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi trong dự án và đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải của CCN (Khi CCN có hệ thống thu gom nước thải chung).

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Khi CCN M'DRắk hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải chung của CCN sẽ thực hiện đấu nối nước thải sau xử lý vào hệ thống xử lý nước thải chung của CCN theo quy định.

3.5. Công ty TNHH Hoàng Đại Vương chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc tái sử dụng nước thải, không thải ra môi trường, đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép./.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép số 94 /GPMT-UBND ngày 23/6 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy nghiền thô.

- Nguồn số 02: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy nghiền tinh số 1.

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy nghiền tinh số 2.

- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy nghiền tinh số 3.

- Nguồn số 05: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy nghiền tinh số 4.

- Nguồn số 06: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy ép viên nén gỗ trắng .

- Nguồn số 07: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy sàng viên nén gỗ trắng.

- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy làm nguội viên nén gỗ trắng.

- Nguồn số 09: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động lò đốt công suất 3 tấn/h trong quá trình sản xuất viên nén gỗ đen.

- Nguồn số 10: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi công suất 18 tấn/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả thải

2.1. Dòng khí thải: 02 dòng khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 09): Ống khói sau hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt công suất 3 tấn/h trong quá trình sản xuất viên nén gỗ đen.

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 10): Ống khói sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 18 tấn/giờ.

2.2. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tại ống khói thoát khí thải của hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt công suất 3 tấn/h trong quá trình sản xuất viên nén gỗ đen. Tọa độ vị trí xả thải khí thải: X = 520320; Y = 1413296 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^0 30'$, múi chiếu 3^0)*.

- Dòng khí thải số 02: Tại ống khói của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 18 tấn/giờ. Tọa độ vị trí xả thải khí thải: X = 520018; Y = 1413510 *(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $108^0 30'$, múi chiếu 3^0)*.

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn số 09: Lưu lượng 15.000 m^3/giờ.

- Nguồn số 10: Lưu lượng 50.000 m^3/giờ.

2.3.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục 24/24 giờ hoặc gián đoạn theo chế độ làm việc của Nhà máy.

2.3.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT, Cột C – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2024/BTNMT cột C	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
Nguồn số 9					Không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục (*)
1	Lưu lượng	m^3/h	-	6 tháng/lần	
2	Nhiệt độ	^0C	-		
3	Bụi	mg/Nm^3	**≤ 55**		
4	Lưu huỳnh đioxit, SO_2	mg/Nm^3	**≤ 400**		
5	NO_x *(tính theo NO_2)*	mg/Nm^3	**≤ 450**		
6	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	**≤ 400**		
Nguồn số 10				6 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục (*)
1	Lưu lượng	m^3/h	-		
2	Nhiệt độ	^0C	-		
3	Bụi	mg/Nm^3	**≤ 60**		
4	Lưu huỳnh đioxit, SO_2	mg/Nm^3	**≤ 250**		
5	NO_x *(tính theo NO_2)*	mg/Nm^3	**≤ 300**		
6	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	**≤ 350**		

***Ghi chú:** (*)Quy định tại Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP đã được, chỉnh sửa bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom bụi, khí thải từ các nguồn phát sinh đưa về hệ thống xử lý:

- Nguồn số 01, 06, 07: Bụi từ máy nghiền thô, máy ép viên nén gỗ trắng, máy sàng viên nén gỗ trắng được đưa qua Cyclone đơn và Cyclone có lọc túi vải để thu giữ bụi trước khi thoát ra cửa xả khí thải phía trên Cyclone.

- Nguồn số 02, 03, 04, 05: Bụi phát sinh từ mỗi máy nghiền tinh được đưa về thiết bị lọc bụi túi vải trước khi thoát khí sạch ra ống thoát khí cao 7,5m.

- Nguồn số 08: Bụi phát sinh từ hoạt động của máy làm nguội viên nén gỗ trắng được đưa qua Cyclone có lọc túi vải để thu giữ bụi trước khi thoát ra cửa xả khí thải phía trên Cyclone.

- Nguồn số 09: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt công suất 3 tấn/h trong quá trình sản xuất viên nén gỗ đen được thu gom và xử lý qua Cyclone chùm trước khi thoát khí sạch ra ống thoát khí cao 24,4m.

- Nguồn số 10: Bụi, khí thải từ hoạt động lò hơi công suất 18 tấn/giờ được thu gom và xử lý qua Cyclone chùm, tiếp đó qua lọc bụi túi vải, rồi qua bể hấp thụ trước khi thoát khí sạch ra ống thoát khí cao 21 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

(1) Nguồn số 01, nguồn số 06, nguồn số 07:

- Quy trình công nghệ: Bụi từ máy nghiền thô, máy ép viên nén gỗ trắng, máy sàng viên nén gỗ trắng → Hệ thống thu gom → Cyclone đơn → Cyclone có lọc túi vải → Khí sạch thoát ra môi trường qua cửa xả.

- Công suất thiết kế: 62.000 m^3/giờ.

(2) Nguồn số 02, nguồn số 03, nguồn số 04, nguồn số 05:

- Quy trình công nghệ: Bụi phát sinh từ công đoạn nghiền tinh → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Khí sạch thoát ra ngoài môi trường qua ống thoát khí cao 7,5 m.

- Tại 4 máy nghiền tinh lắp đặt 4 hệ thống xử lý, thu hồi bụi.

- Công suất thiết kế mỗi hệ thống: 15.000 m^3/giờ.

(3) Nguồn số 08:

- Quy trình công nghệ: Bụi từ máy làm nguội viên nén gỗ trắng → Hệ thống thu gom → Cyclone có lọc túi vải → Khí sạch thoát ra môi trường qua cửa xả.

- Công suất thiết kế: 62.000 m^3/giờ.

(4) Nguồn số 09:

- Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt công suất 3 tấn/h trong quá trình sản xuất viên nén gỗ đen → Hệ thống thu gom → Cyclone chùm → Quạt hút → Ống khói cao 24,4m → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, Cột C.

- Công suất thiết kế: 15.000 m^3/giờ.

(5) Nguồn số 10:

- Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải từ hoạt động lò hơi công suất 18 tấn/giờ → Hệ thống thu gom → Cyclone chùm tách bụi → Bộ lọc bụi túi vải → Quạt hút → Bể hấp thụ → Ống khói thoát khí → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2024/BTNMT, Cột C.

- Công suất thiết kế: 50.000 m^3/giờ.

- Hoá chất sử dụng: Hóa chất NaOH hoặc các chất khác có tính chất tương đương.

- Yêu cầu ống thoát khí thải phải có điểm *(cửa)* lấy mẫu khí thải, có nắp đậy để điều chỉnh khi mở, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát liên tục quá trình vận hành hệ thống đường ống thu gom và các thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án để bảo trì, bảo dưỡng, kịp thời sửa chữa hoặc thay thế, đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý các nguồn bụi, khí thải đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi lưu thoát ra ngoài môi trường.

- Xây dựng quy trình vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án.

- Tiến hành bảo trì, bảo dưỡng và kiểm tra mức độ an toàn của hệ thống lò hơi theo đúng quy trình, thời hạn quy định.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sản xuất, kiểm tra hệ thống xử lý bụi, khí thải. Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp phối hợp và kịp thời khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ khi hệ thống xử lý bụi, khí thải được đầu tư xây dựng hoàn thiện và Dự án đi vào hoạt động thử nghiệm để đảm bảo đánh giá được hiệu quả của công trình xử lý bụi, khí thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt công suất 3 tấn/h trong quá trình sản xuất viên nén gỗ đen.

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi công suất 18 tấn/giờ.

a) Vị trí lấy mẫu: Lỗ lấy mẫu trên ống khói thoát khí thải sau xử lý theo đúng quy định.

b) Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Vận hành thường xuyên, liên tục các hệ thống thu gom, xử lý lượng bụi, khí thải phát sinh; bảo đảm lượng không khí sạch thoát ra ngoài môi trường đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột C – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp; điểm (cửa) lấy mẫu, có nắp đậy để điều chỉnh độ mở rộng, bố trí sàn thao tác đảm bảo an toàn, thuận lợi khi thực hiện việc lấy mẫu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ

3.4. Trong quá trình hoạt động Dự án, khi có sự cố liên quan đến việc vận hành các thiết bị xử lý bụi, khí thải, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động sản xuất có phát sinh bụi, khí thải để sửa chữa, khắc phục kịp thời.

3.5. Vận hành thường xuyên, liên tục các hệ thống thu gom, xử lý bụi phát sinh từ các công đoạn băm dăm gỗ, nghiền thô, nghiền tinh,….phải đảm bảo theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường lao động trong nhà xưởng, không để thoát bụi ra ngoài nhà xưởng gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

3.6. Công ty TNHH Hoàng Đại Vương chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 94 /GPMT-UBND ngày 23 / 6 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh).

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị tại nhà xưởng băm.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị tại nhà xưởng lò hơi

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị tại nhà xưởng sản xuất.

- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị tại khu vực sản xuất viên nén đen.

- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc thiết bị tại xưởng chứa liệu.

- Nguồn số 06: Tiếng ồn, độ rung phát sinh của máy móc thiết bị tại bãi chứa nguyên liệu.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tại vị trí đặt máy bóc vỏ, máy băm dăm gỗ, máy sàng tách tạp chất, máy nghiền thô, máy nghiền tinh, máy ép viên nén, máy làm nguội, máy đốt chân không sản xuất viên nén đen, lò hơi, các khu chứa liệu và các phương tiện vận chuyển.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu:

3.1. Tiếng ồn

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo quy chuẩn QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn *(theo mức âm tương đương)* dBA:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			Ghi chú
	Ngày (06h -trước 18h)	Tối (18h-trước 22h)	Đêm (22h- trước 06h)	
1	70	65	60	Khu vực E

3.2. Độ rung:

- Độ rung không vượt quá giới hạn cho phép theo Quy chuẩn QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Đêm (22:00 ~ trước 06:00)	
1	75	70	Khu vực D

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Tự động hoá quá trình sản xuất; đầu tư máy móc sản xuất mới, hiện đại; bố trí máy móc hợp lý, không để nhiều máy gây ồn gần nhau gây cộng hưởng tiếng ồn; định kỳ kiểm tra và bảo dưỡng toàn bộ hệ thống máy móc trong dự án; trang bị và yêu cầu người lao động đeo nút bịt tai trong quá trình làm việc ở những nơi phát sinh độ ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung. Các máy móc tạo ra sự rung động trong quá trình hoạt động được gắn chặt vào nền xi măng và có lót cao su chống rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình vận hành để giảm thiểu tiếng ồn.

2.3. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn máy móc, thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 94 /GPMT-UBND ngày 23 / 6 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 632 kg/năm. Thành phần phát sinh chủ yếu: Hộp mực in thải có thành phần nguy hại, dầu nhớt thải, chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại khác, thiết bị linh kiện điện tử thải, ắc quy chì thải, bao bì cứng bằng nhựa thải.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Vỏ cây, mùn cưa, bụi thô thu hồi từ quá trình bóc vỏ, băm dăm khoảng: 72.164 tấn/năm.

- Tạp chất thu gom từ quá trình tách tạp chất khoảng: 3.778 tấn/năm.

- Bụi thu hồi từ quá trình xử lý, thu hồi bụi khoảng: 8.600,3 tấn/năm.

- Chất thải thu gom từ quá trình vệ sinh công nghiệp khoảng: 164,43 tấn/năm.

- Viên nén không đạt chuẩn khoảng: 4.744 tấn/năm.

- Tro phát sinh từ hoạt động đốt của lò đốt khoảng: 769,89 kg/ngày.

- Cặn lắng từ quá trình xử lý bụi, khí thải lò hơi, khối lượng khoảng: 1,2tấn/năm. Trường hợp kết quả phân tích cặn có chứa thành phần chất thải nguy hại thì thu gom, xử lý như chất thải nguy hại, ngược lại xử lý như chất thải rắn thông thường.

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải khoảng: 4,42 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 90 kg/ngày. Thành phần chính chủ yếu các chất hữu cơ dễ phân hủy như các loại thức ăn thừa, các loại thực phẩm hư hỏng, vỏ trái cây,... Ngoài ra, còn có các loại vỏ chai nhựa, túi nilon, giấy, thủy tinh,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa để chứa CTNH phát sinh trong giai đoạn hoạt động như sau:

- 01 thùng nhựa loại 200 lít có nắp đậy.

- Các thùng nhựa màu đen có nắp loại 120 lít. Số lượng thùng nhựa sẽ được bố trí theo số lượng thực tế chất thải phát sinh.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa 17,4 m^2 (nằm trong nhà chứa rác chung có diện tích 60 m^2 của Nhà máy).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa:

+ Cấu tạo nền: Nền bê tông hoàn thiện xóa nhám, lớp bê tông dày M250 dày 100, tấm PVC dày 0,3mm, lớp đá cấp phối 0x4 chèn 4x6 dày 150, đất tự nhiên đầm chặt.

+ Cấu tạo tường: mặt ngoài sơn nước ngoài trời, bột trét, lớp vữa tô mác 75; tường xây gạch ống dày 200mm; mặt trong lớp vữa tô mác 75, bột trét, sơn nước trong nhà.

+ Cấu tạo mái: Lợp tone sóng dày 0,45mm, máng xối mạ kẽm, kèo thép.

+ Bố trí cửa khoá và có gắn bảng tên, biển cảnh báo bên ngoài

+ Các thùng chứa/thiết bị chứa ghi rõ loại chất thải lưu chứa, mã số CTNH theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Lưu chứa trong các bao Jumbo, thùng chứa tùy theo từng loại chất thải.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Nhà máy có bố trí khu vực lưu chứa chất thải không có khả năng tái chế: 24,6 m^2 để lưu chứa các loại chất thải không có khả năng tái chế, trong nhà bố trí các thùng rác màu xanh dung tích 120 lit và các bao Jumbo để lưu chứa chất thải. Số lượng thiết bị lưu chứa sẽ được bố trí theo số lượng thực tế chất thải phát sinh.

- Nhà máy có bố trí khu vực lưu chứa chất thải có khả năng tái chế: 18 m^2 để lưu chứa các loại chất thải có khả năng tái chế, trong nhà bố trí các thùng rác màu trắng dung tích 120 lit để lưu chứa chất thải. Số lượng thiết bị lưu chứa sẽ được bố trí theo số lượng thực tế chất thải phát sinh.

- Thiết kế, cấu tạo của các khu vực lưu chứa:

+ Cấu tạo nền: Nền bê tông hoàn thiện xóa nhám, lớp bê tông dày M250 dày 100, tấm PVC dày 0,3mm, lớp đá cấp phối 0x4 chèn 4x6 dày 150, đất tự nhiên đầm chặt.

+ Cấu tạo tường: mặt ngoài sơn nước ngoài trời, bột trét, lớp vữa tô mác 75; tường xây gạch ống dày 200mm; mặt trong lớp vữa tô mác 75, bột trét, sơn nước trong nhà.

+ Cấu tạo mái: Lợp tone sóng dày 0,45mm, máng xối mạ kẽm, kèo thép.

+ Bố trí cửa khoá và có gắn bảng tên, biển cảnh báo bên ngoài

+ Các thùng chứa/thiết bị chứa ghi rõ loại chất thải lưu chứa theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng rác loại nhỏ có thể tích khoảng 60 lít để thu gom rác ở các văn phòng làm việc, nhà ăn, nhà vệ sinh; và các thùng chứa loại 120 lít đặt ở khu vực sân đường nội bộ, các thùng 120 lít trong khu vực lưu chứa.

2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Chất thải không có khả năng tái chế: trong nhà bố trí các thùng rác màu xanh dung tích 120 lít và các bao Jumbo để lưu chứa chất thải. Khu vực lưu chứa có diện tích 24,6 m^2.

- Chất thải có khả năng tái chế: trong nhà bố trí các thùng rác màu trắng dung tích 120 lit để lưu chứa chất thải. Khu vực lưu chứa có diện tích 18 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của các khu vực lưu chứa:

+ Cấu tạo nền: Nền bê tông hoàn thiện xóa nhám, lớp bê tông dày M250 dày 100, tấm PVC dày 0,3mm, lớp đá cấp phối 0x4 chèn 4x6 dày 150, đất tự nhiên đầm chặt.

+ Cấu tạo tường: mặt ngoài sơn nước ngoài trời, bột trét, lớp vữa tô mác 75; tường xây gạch ống dày 200mm; mặt trong lớp vữa tô mác 75, bột trét, sơn nước trong nhà.

+ Cấu tạo mái: Lợp tone sóng dày 0,45mm, máng xối mạ kẽm, kèo thép.

+ Bố trí cửa khoá và có gắn bảng tên, biển cảnh báo bên ngoài.

+ Các thùng chứa/thiết bị chứa ghi rõ loại chất thải lưu chứa theo quy định.

2.4. Cặn thải từ hệ thống xử lý bụi, khí thải; bùn từ hệ thống xử lý nước thải: được thu gom, quản lý và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện phòng ngừa sự cố chất thải, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định./.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 94 /GPMT-UBND ngày 23 / 6 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh).

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Dự án không có hạng mục, công trình bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện theo Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

2. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Thực hiện đầy đủ các nội dung đã cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực của thông tin, số liệu nêu tại báo cáo đề xuất cấp phép.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn.

6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành dự án

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.